

BẢNG GIÁ SỐ 6

PHỤ LỤC 47: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI XÃ CHỜ LONG

(Ban hành kèm Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
1	Trường Sơn Đông (TL 662)	Giáp ranh giới xã Kông Chro	Suối Sơ Rớ (hết Thôn 9)	185.000		
		Suối Sơ Rớ (hết Thôn 9)	Suối Pur (đầu làng Klăh)	150.000		
		Suối Pur (đầu làng Klăh)	Suối Óh (cuối làng Klăh)	225.000		
		Suối Óh (cuối làng Klăh)	Suối Pơ Dầu (làng Bruh)	150.000		
		Suối Pơ Dầu (làng Bruh)	Giáp ranh giới xã Pờ Tó	150.000		
2	Đường vào xã Yang Nam (cũ)	Trường Sơn Đông (TL 662)	Giáp ranh giới xã Yang Nam (cũ)	165.000		
3	Đường vào Thôn 8	Trường Sơn Đông (TL 662)	Hết Thôn 8	165.000		
4	Đường vào làng Tpé (làng A Lao cũ)	Trường Sơn Đông (TL 662)	Hết làng Tpé (Tpé 1 cũ)	130.000		
		Đầu làng (Tpé 2 cũ)	Hết làng (A Lao cũ)	110.000		
5	Đường liên xã Đăk Pơ Pho (cũ)	Ranh giới xã Kông Chro	Hết làng Kúc Gmỏi	95.000		
		Hết làng Kúc Gmỏi	Hết ranh giới Trạm y tế xã	110.000		
		Đầu ranh giới Trạm y tế xã	Hết ranh giới trường Mầm non Hướng Dương	130.000		
		Hết ranh giới trường Mầm non Hướng Dương	Hết làng Dyrao, thôn 4	75.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
6	Các đường quy hoạch trung tâm xã Chơ Long (cũ)			150.000		
7	Các đường quy hoạch khu trung tâm xã Đăk Pơ Pho (cũ)			110.000		
8	Đường vào Thôn 4	Hết làng Dyrao, thôn 4	Ngã 3 đường liên xã làng Kúc nhỏ	95.000		
		Ngã 3 đường liên xã làng Kúc nhỏ	Hết làng Chư Krey, thôn 4	75.000		
9	Khu dân cư làng Kúc Gmỏi			60.000		
10	Khu dân cư làng Kúc Ròng, thôn 3			60.000		
11	Khu dân cư làng Trong, thôn 3			60.000		
12	Khu dân cư làng Dyrao, thôn 4			60.000		
13	Khu vực 1			178.000	142.000	114.000
14	Khu vực 2			125.000	100.000	80.000
15	Khu vực 3			88.000	70.000	56.000